TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Huỳnh Xuân T, sinh năm 1982; (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 15, ấp M T, xã N M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Phạm Thị Thúy U; sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, ấp H L 1, TT A C, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2017, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Huỳnh Xuân T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị U kết hôn tháng 6/2015, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tháng 7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn anh chị

sống chung với cha mẹ anh, cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống, trong tình cảm luôn nghi ngờ lẫn nhau, do chị U không hòa hợp được với gia đình chồng nên vợ chồng thường cự cãi gia đình không hạnh phúc. Tháng 5/2016 chị U bỏ về cha mẹ ruột sống, anh chị đã ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không thể hàn gắn đươc. Nay anh Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị U.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Gia L, sinh ngày 06/11/2015. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị U nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24kara và 15 chỉ vàng 18kara, 50.000.000đ, sau khi ly hôn anh không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Không có

* Tại tờ tự khai ngày 20/7/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 27/7/201, quá trình tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị Thúy U có ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn, chị và anh T có đăng ký kết hôn tháng 7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N M, huyện Chợ Mới, An Giang, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghi ngờ cháu Gia L không phải là con anh T nên vợ chồng thường cự cãi và chị về nhà cha mẹ ruột sống từ 5/2016 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Gia L, sinh ngày 06/11/2015, hiện nay cháu L chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có

Ngày 02/8/2017 chị U có đơn thay đổi yêu cầu:

+ Về con chung: Chị tiếp tục được nuôi cháu Huỳnh Phạm Gia L, sinh ngày 06/11/2015.

Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định Pháp luật.

+ Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24kara (9999) anh Thảo quản lý, 05 chỉ vàng 18kara chị đang quản lý. Nay chị yêu cầu anh T chia 05 chỉ vàng 24kara.

Tại phiên tòa:

- Anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

- Chị U đồng ý ly hôn, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật và giao chị 05 (năm) chỉ vàng 24kara (9999)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị U có nơi cư trú tại thị trấn A C, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh T và chị U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2015 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước phiên tòa hôm nay anh T và chị U đều xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không cùng quan điểm sống, tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị thuận tình ly hôn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Anh chị thống nhất có một con chung tên Huỳnh Phạm Gia L, sinh ngày 06/11/2015, hiện nay cháu L đang sống với chị U, sau khi ly hôn chị U yêu cầu được nuôi con và anh T cũng đồng ý giao con cho chị U. Do đó công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L, mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị U đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với lời khai nại của anh T cho rằng cháu Huỳnh Phạm Gia L không phải là con anh nên anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng là không có cơ sở. Bởi vì, hiện tại trên giấy khai sinh thể hiện cha mẹ của bé Gia L là anh T chị U được pháp luật công nhận. Đối với chứng cứ phiếu kết quả phân tích AND của bà Huỳnh Thị Mai H ngày 18/5/2016 do anh T cung cấp không đủ cơ sở để khẳng định cháu Gia L không có quan hệ huyết thống cha – con, vì trên kết quả phân tích ADN thể hiện bà Huỳnh Thị Mai H chứ không phải là anh T là người đề nghị, đồng thời đây là xét nghiệm theo yêu cầu cá nhân chứ không phải là do cơ quan tố tụng trưng cầu. Như vậy, đối với lời khai nại của anh Huỳnh Xuân T cho rằng bé Gia L không phải là con ruột của anh là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung: Anh T và chị U thống nhất có 10 chỉ vàng 24kara và 05 chỉ vàng 18kara. Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu độc lập của chị U chia tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24kara. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo cho chị U nộp tạm ứng án phí theo qui định, nhưng quá thời hạn qui định chị U không đóng tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của mình coi như chị U đã từ bỏ yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Anh T và chị U thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Anh T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 9, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Xuân T và chị Phạm Thị Thúy U

- Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thúy U được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Phạm Gia L sinh ngày 06/11/2015.

- Cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Phạm Gia L mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Gia L tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị U đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về tài sản chung: Không xem xét

- Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000727 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Anh Huỳnh Xuân T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2018).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Chung